

1. MÔN TOÁN 9 – TUẦN 4

LUYỆN TẬP

BT 32: Tính:

$$a/ \sqrt{1\frac{9}{16} \cdot 5\frac{4}{9} \cdot 0,01} = \sqrt{\frac{25}{16} \cdot \frac{49}{9} \cdot \frac{1}{100}} = \frac{\sqrt{25}}{\sqrt{16}} \cdot \frac{\sqrt{49}}{\sqrt{9}} \cdot \frac{\sqrt{1}}{\sqrt{100}} = \frac{5}{4} \cdot \frac{7}{3} \cdot \frac{1}{10} = \frac{7}{24}$$

$$b/ \sqrt{1,44 \cdot 1,21 - 1,44 \cdot 0,4} = \sqrt{1,44 \cdot 8,1} = 1,2 \cdot 0,9 = 1,08$$

$$c/ \sqrt{\frac{165^2 - 124^2}{164}} = \sqrt{\frac{(165-124)(165+124)}{164}} = \sqrt{\frac{41 \cdot 289}{164}} = \sqrt{\frac{289}{4}} = \frac{17}{2}$$

$$d/ \sqrt{\frac{149^2 - 76^2}{457^2 - 384^2}} = \sqrt{\frac{(149+76)(149-76)}{(457+384)(457-384)}} = \sqrt{\frac{225 \cdot 73}{841 \cdot 73}} = \sqrt{\frac{225}{841}} = \frac{15}{29}$$

BT 33: Giải phương trình:

$$a/ \sqrt{2} \cdot x - \sqrt{50} = 0 \Leftrightarrow \sqrt{2} \cdot x = \sqrt{50} \Leftrightarrow \sqrt{2} \cdot x = 5\sqrt{2} \Leftrightarrow x = 5$$

$$c/ \sqrt{3} \cdot x^2 - \sqrt{12} = 0 \Leftrightarrow \sqrt{3} \cdot x^2 = \sqrt{12}$$

$$\Leftrightarrow x^2 = \frac{\sqrt{12}}{\sqrt{3}} \Leftrightarrow x^2 = \sqrt{\frac{12}{3}} \Leftrightarrow x^2 = \sqrt{4}$$

$$\Leftrightarrow x^2 = 2 \Rightarrow x_1 = \sqrt{2}; x_2 = -\sqrt{2}$$

BT 34: Rút gọn:

$$a/ ab^2 \cdot \sqrt{\frac{3}{a^2b^4}} \text{ với } a < 0, b \neq 0$$

$$\text{Ta có: } ab^2 \cdot \sqrt{\frac{3}{a^2b^4}} = \frac{ab^2 \sqrt{3}}{\sqrt{a^2b^4}} = \frac{ab^2 \sqrt{3}}{|ab^2|} = \frac{ab^2 \sqrt{3}}{-ab^2} = -\sqrt{3} \quad (\text{vì } a < 0)$$

$$c/ \sqrt{\frac{9+12a+4a^2}{b^2}} = \sqrt{\frac{(3+2a)^2}{b^2}} = \frac{\sqrt{(3+2a)^2}}{\sqrt{b^2}} = \frac{|2a+3|}{|b|} = \frac{2a+3}{-b} \quad (\text{vì } a \geq -1,5; b < 0)$$

BT 35: Tìm x, biết:

$$a/ \sqrt{(x-3)^2} = 9 \Leftrightarrow |x-3| = 9 \Leftrightarrow \begin{cases} x-3=9 \\ x-3=-9 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x=12 \\ x=-6 \end{cases}$$



Bài 6: BIẾN ĐỔI ĐƠN GIẢN BIỂU THỨC CHỨA CĂN THỨC BẬC HAI.

1/ Đưa thừa số ra ngoài dấu căn:

Ví dụ 1: Đưa thừa số ra ngoài dấu căn

$$a/ \sqrt{4^2 \cdot 3} = 4\sqrt{3}$$

$$b/ \sqrt{98} = \sqrt{49 \cdot 2} = \sqrt{7^2 \cdot 2} = 7\sqrt{2}$$

Ví dụ 2: Rút gọn biểu thức: $\sqrt{2} + \sqrt{8} + \sqrt{50}$

Giải:

$$\sqrt{2} + \sqrt{8} + \sqrt{50} = \sqrt{2} + \sqrt{2^2 \cdot 2} + \sqrt{5^2 \cdot 2} = \sqrt{2} + 2\sqrt{2} + 5\sqrt{2} = 8\sqrt{2}$$

• Tổng quát:

Với $B \geq 0$ ta có:

$$\sqrt{A^2 \cdot B} = |A| \cdot \sqrt{B} \text{ tức là:}$$

* Nếu $A \geq 0, B \geq 0$ thì $\sqrt{A^2 \cdot B} = A\sqrt{B}$

* Nếu $A < 0, B \geq 0$ thì $\sqrt{A^2 \cdot B} = -A\sqrt{B}$

Ví dụ 3: Đưa thừa số ra ngoài dấu căn:

a/ $\sqrt{4x^2y}$ ($x \geq 0, y \geq 0$)
 $= \sqrt{(2x)^2 \cdot y} = |2x| \sqrt{y} = 2x\sqrt{y}$ (vì $x \geq 0$)

b/ $\sqrt{18xy^2}$ với $x \geq 0, y < 0$
 $= \sqrt{(3y)^2 \cdot 2x} = |3y| \sqrt{2x} = -3y\sqrt{2x}$ (vì $y < 0$)

2/ Đưa thừa số vào trong dấu căn:

- * Với $A \geq 0, B \geq 0$ ta có: $A\sqrt{B} = \sqrt{A^2B}$
- * Với $A < 0, B \geq 0$ ta có: $A\sqrt{B} = -\sqrt{A^2B}$

Ví dụ 4: Đưa thừa số vào trong dấu căn:

a/ $3\sqrt{5} = \sqrt{3^2 \cdot 5} = \sqrt{45}$
 b/ $-2\sqrt{3} = -\sqrt{2^2 \cdot 3} = -\sqrt{12}$
 c/ $5a^2\sqrt{2a} = \sqrt{(5a^2)^2 \cdot 2a} = \sqrt{25a^4 \cdot 2a} = \sqrt{50a^5}$ ($a \geq 0$)
 d/ $-3a^2\sqrt{2ab} = -\sqrt{(3a^2)^2 \cdot 2ab} = -\sqrt{9a^4 \cdot 2ab} = -\sqrt{18a^5b}$

Ví dụ 5: So sánh $3\sqrt{7}$ và $\sqrt{28}$

Giải:

+ Cách 1: Ta có $3\sqrt{7} = \sqrt{3^2 \cdot 7} = \sqrt{63}$

Vì $\sqrt{63} > \sqrt{28}$ nên $3\sqrt{7} > \sqrt{28}$

+ Cách 2: Ta có: $\sqrt{28} = \sqrt{4 \cdot 7} = 2\sqrt{7}$

Vì $2\sqrt{7} < 3\sqrt{7}$ nên $\sqrt{28} < 3\sqrt{7}$

BTVN: 44, 45, 46, 47 SGK

LUYỆN TẬP

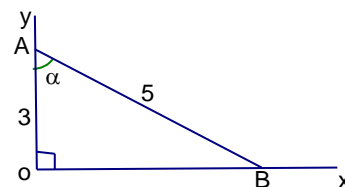
Bài 13:

b) Cách dựng :

- Dựng góc vuông xOy.
- Chọn 1 đoạn thẳng làm đơn vị
- Trên Oy dựng điểm A sao cho OA = 3 đơn vị.
- Lấy A làm tâm, dựng cung tròn bán kính bằng 5 đơn vị.

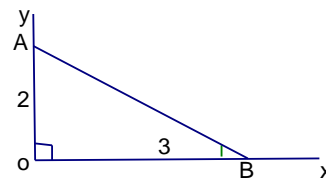
Cung tròn này cắt Ox tại B.

- Khi đó $\widehat{OBA} = \alpha$ là góc nhọn cần dựng.



d) Cách dựng :

- Dựng xOy vuông tại O.
- Chọn 1 đoạn thẳng làm đơn vị
- Trên Oy dựng điểm A sao cho OA = 2 đơn vị.
- Trên Ox dựng điểm B sao cho OB = 3 đơn vị.
- Khi đó $\widehat{OBA} = \alpha$ là góc nhọn cần dựng

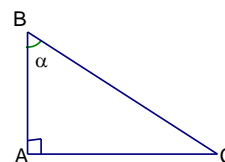


Bài tập 14:

a) Ta có: $\frac{\sin \alpha}{\cos \alpha} = \frac{AC}{BC} : \frac{AB}{BC} = \frac{AB}{AC} = \text{tg} \alpha$

Vậy $\tan \alpha = \frac{\sin \alpha}{\cos \alpha}$

b) Tương tự: $\cot \alpha = \frac{\cos \alpha}{\sin \alpha}$



c) Ta có $\sin^2 \alpha = \left(\frac{AC}{BC}\right)^2 = \frac{AC^2}{BC^2}$ và $\cos^2 \alpha = \frac{AB^2}{BC^2}$

Suy ra : $\sin^2 \alpha + \cos^2 \alpha = \frac{AC^2 + AB^2}{BC^2} = \frac{BC^2}{BC^2} = 1$

Vậy: $\sin^2 \alpha + \cos^2 \alpha = 1$

Bài tập 15 :

Ta có: $\cos^2 B + \sin^2 B = 1$ (bài tập 14)

$\Rightarrow \sin^2 B = 1 - \cos^2 B = 1 - (0,8)^2 = 0,36$

$\Rightarrow \sin B = 0,6$

$\Rightarrow \sin C = \cos B = 0,8 ; \cos C = \sin B = 0,6$

$\Rightarrow \tan C = \frac{\sin C}{\cos C} = \frac{0,8}{0,6} = \frac{4}{3}$

Và $\cot C = \frac{\cos C}{\sin C} = \frac{0,6}{0,8} = \frac{3}{4}$

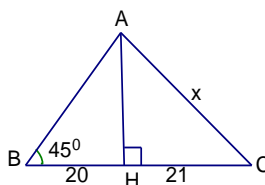
Vậy $\sin C = 0,8 ; \cos C = 0,6 ; \tan C = \frac{4}{3} ; \cot C = \frac{3}{4}$

Bài tập 17:

Ta có $\tan 45^\circ = \frac{AH}{BH}$

$\Leftrightarrow 1 = \frac{AH}{20} \Rightarrow AH = 20$

Vậy $x = \sqrt{20^2 + 21^2} = 29$



Bài 3: MỘT SỐ HỆ THỨC VỀ CẠNH VÀ GÓC TRONG TAM GIÁC VUÔNG

I. Các hệ thức :

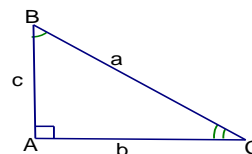
1. Định lý : sgk

a) $b = a \sin B = a \cos C ;$

$c = a \sin C = a \cos B$

b) $b = c \tan B = c \cot C ;$

$c = b \tan C = b \cot B$



2. Áp dụng :

VD1: SGK

Giải : $1,2 = \frac{1}{50}$ giờ

Ta có : $BH = AB \cdot \sin A$

$= 500 \cdot \frac{1}{50} \cdot \sin 30^\circ = 10 \cdot \frac{1}{2} = 5 \text{ km}$

Vậy sau 1,2 phút máy bay bay cao được 5 km

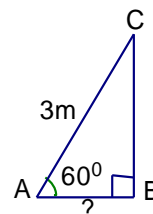
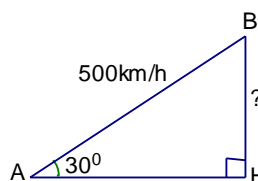
VD2: sgk

Giải :

Ta có $AB = AC \cdot \cos A = 3 \cos 65^\circ \approx 1,72 \text{m}$

Vậy chân chiếc thang phải đặt cách chân tường 1 khoảng là 1,72m

BTVN: Làm bài tập 26 SGK



2. MÔN NGỮ VĂN 9 – TUẦN 4

HOÀNG LÊ NHẤT THÔNG CHÍ (HỒI THỨ 14)

(Ngô gia văn phái)

I. Đọc – tìm hiểu chung:

1. Tác giả, tác phẩm:

- Ngô gia văn phái gồm những tác giả thuộc dòng Ngô Thì-dòng họ nổi tiếng về văn học lúc bấy giờ, quê ở Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Ngô Thì Chí: viết 7 hồi đầu; Ngô Thì Du: viết 7 hồi tiếp theo; ba hồi cuối: người trong dòng họ Ngô Thì viết vào khoảng đầu triều Nguyễn.

- “Hoàng Lê nhất thống chí” thuộc tiểu thuyết chương hồi, phản ánh những biến động lịch sử nước ta cuối TK XVIII, đầu TK XIX. Đoạn trích nằm ở hồi thứ mười bốn.

***Chủ đề:** khắc họa hình ảnh vua Quang Trung tiến quân ra Bắc dẹp quân Thanh

2. Đọc - tóm tắt:

3. Bố cục:

- Phần 1: Từ đầu-> 25 tháng chạp năm mậu thân: Quang trung chuẩn bị thân chinh tiến quân ra Bắc diệt giặc.

- Phần 2: Tiếp -> kéo vào thành: Cuộc hành quân thần tốc, chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung.

- Phần 3: Còn lại: Sự thất bại của quân tướng nhà Thanh và tình trạng thảm hại của vua tôi Lê Chiêu Thống.)

II. Đọc - hiểu văn bản:

1. Quang Trung chuẩn bị tiến quân ra Bắc:

*Trong vòng 1 tháng (24 tháng 11 -> 25 tháng chạp) làm nhiều việc:

- Nghe tin quân Thanh xâm lấn nước ta:Giận lắm, họp tướng sĩ, định thân chinh cầm quân đi ngay.

- Lắng nghe, ghi nhận ý kiến của các tướng sĩ, lên ngôn Hoàng đế, tế cáo trời đất, sau đó hạ lệnh xuất quân ra Bắc vào ngày 25/12/1788.

*Ngày 29-tháng Chạp đến Nghệ An=>cuộc hành quân thần tốc. Trong 1 ngày làm nhiều việc lớn:

+ Gặp gỡ bàn bạc người công sĩ ở huyện La Sơn.

+ Tuyển quân lính và mở cuộc duyệt binh lớn ở Nghệ An, cứ 3 xuất đình lấy 1 người, chưa mấy lúc, đã được hơn 1 vạn quân tinh nhuệ.

+ Ra lời phủ dụ tướng sĩ, định kế hoạch hành quân đánh giặc.

=>Tài dụng binh như thần.

*Cúng Tết, tối ngày 30 tháng Chạp năm 1788 lập tức lên đường, hẹn đến ngày 7 vào thành Thăng long mở tiệc ăn mừng.

+ Cuộc chiến diễn ra ác liệt, Quang Trung dành thắng lợi lẫy lừng vào ngày 5 tháng Chạp, trước kế hoạch 2 ngày.

2. Số phận của kẻ xâm lược và kẻ bán nước:

a. Sự thất bại thảm hại của quân Thanh:

- Tôn Sĩ Nghị sợ mất mật...

- Quân sĩ bỏ chạy tan tác...

=> Quân Thanh chủ quan; chiến đấu không vì chính nghĩa; quân Tây Sơn hùng mạnh và dùng lối đánh táo bạo, thần tốc và bất ngờ.

b. Số phận của vua Lê Chiêu Thống:

- Vội vàng bỏ cung điện chạy trốn.

- Cướp thuyền của người đánh cá để chạy.

- Đuổi theo quân Thanh để mong được che chở.

=>Yếu hèn, nhục nhã, số phận bi thảm của kẻ bán nước cầu vinh.

III. Tổng kết:

1. Nghệ thuật:

- Khắc họa nhân vật lịch sử (người anh hùng Nguyễn Huệ và sự thất bại của bọn giặc xâm lược,) với ngôn ngữ kể, tả chân thật, sinh động.

- Lựa chọn trình tự kể theo diễn biến sự kiện lịch sử (rành mạch, chân thực, khách quan-kết hợp yếu miêu tả với biện pháp nghệ thuật so sánh, đối lập).

Giọng điệu trần thuật thể hiện thái độ của tác giả với vương triều nhà Lê, với chiến thắng của dân tộc và với bọn giặc cướp nước.

2. Nội dung: Văn bản ghi lại hiện thực lịch sử hào hùng của dân tộc ta và hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ trong chiến thắng vào những ngày đầu mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789).

IV. Hướng dẫn về nhà:

- Bài tập: Qua bài học, viết đoạn văn (từ 7-10 câu) trình bày suy nghĩ của em về hình tượng người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ (vua Quang Trung)

- Học bài đầy đủ

- Soạn bài: Truyện Kiều của Nguyễn Du, Chị em Thúy Kiều

TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU

I. Giới thiệu tác giả:

1. Nguyễn Du:

- Nguyễn Du (1765- 1820).

- Tên chữ: Tố Như.

- Quê: Hà Tĩnh.

- Sinh trưởng trong một gia đình đại nhiều đời làm quan và có truyền thống về văn học.

2. Thời đại:

Sống ở cuối TK XVIII- đầu Thế kỉ XIX: Thời kì lịch sử có nhiều biến động dữ dội, chế độ phong kiến khủng hoảng, mục ruỗng.

3. Cuộc đời:

- Ảnh hưởng truyền thống văn học của gia đình.

- Chứng kiến những biến động dữ dội nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam, Nguyễn Du hiểu sâu sắc nhiều vấn đề của đời sống xã hội.

- Những thăng trầm trong cuộc sống riêng tư làm cho tâm hồn Nguyễn Du tràn đầy cảm thông, yêu thương con người sâu sắc.

II. Sự nghiệp văn chương

1. Các tác phẩm:

+ Các tác phẩm được viết bằng chữ Hán và chữ Nôm.

+ Đóng góp cho kho tàng văn học dân tộc, nhất là ở thể loại truyện thơ.

2. Truyện Kiều:

a. Nguồn gốc: Dựa vào cốt truyện từ “Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm Tài Nhân nhưng có phần sáng tạo của Nguyễn Du rất lớn.

b. Tóm tắt tác phẩm: Tác phẩm gồm có ba phần: Gặp gỡ và đính ước. Gia biến và lưu lạc. Đoàn tụ.

3. Giá trị Truyện Kiều:

- Nội dung: có giá trị hiện thực và nhân đạo lớn.

- Hình thức: có nhiều sáng tạo trong nghệ thuật kể chuyện, sử dụng ngôn ngữ, miêu tả thiên nhiên, khắc họa hình tượng nhân vật,...

III. Giá trị của Truyện Kiều:

1. Nghệ thuật:

- Vốn ngôn ngữ uyên bác, thể thơ lục bát đạt tới đỉnh cao rực rỡ.
- Nghệ thuật dẫn truyện phát triển vượt bậc, miêu tả thiên nhiên và con người độc đáo.

2. Nội dung:

Giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo.

- **Hiện thực:** Truyện Kiều là bức tranh hiện thực về một xã hội phong kiến bất công tàn bạo.

- **Nhân đạo:** Là tiếng nói thương cảm trước số phận con người và khẳng định, đề cao nhân phẩm và khát vọng của con người, nhất là người phụ nữ.

IV. Dặn dò:

- Học bài đầy đủ
- Soạn bài: Chị em Thúy Kiều

CHỊ EM THÚY KIỀU
(Trích Truyện Kiều- Nguyễn Du)

I. Đọc – tìm hiểu chung:

1. Đọc - chú thích:

2. Vị trí đoạn trích: Nằm ở phần đầu tác phẩm: Gặp gỡ và đính ước (28 câu, 24 câu nói về chị em Thúy Kiều)

II. Đọc - hiểu văn bản:

1. Giới thiệu chung về hai chị em Thúy Kiều:

- Thúy Vân, Thúy Kiều là hai người con gái đẹp (tổ nga).
- Tác giả sử dụng bút pháp ước lệ, gợi tả vẻ đẹp duyên dáng, thanh tao, trong trắng của thiếu nữ.

+ Mai cốt cách: cốt cách của cây mai mảnh dẻ, thanh tao.

+ Tuyết tinh thần: tinh thần của tuyết, trắng và trong sạch.

=>Chỉ với một câu thơ tác giả đã khái quát được vẻ đẹp chung (mười phân vẹn mười) và vẻ đẹp riêng (mỗi người một vẻ) của Thúy Vân và Thúy Kiều. Đó là vẻ đẹp duyên dáng, trong trắng và thanh cao.

2. Vẻ đẹp của Thúy Vân:

+ Nghệ thuật ước lệ, tượng trưng với các hình ảnh cao đẹp của thiên nhiên: *trăng, hoa, mây, tuyết, ngọc*.

+ Cách tả cụ thể trong thủ pháp liệt kê (*khuôn mặt, đôi mắt, mái tóc, làn da, nụ cười, giọng nói*), cùng việc sử dụng phụ ngữ (*đầy đặn, nở nang, đoan trang*).

+ Nghệ thuật ẩn dụ (*dùng hình ảnh thiên nhiên để so sánh*).

=>Thúy Vân mang vẻ đẹp phúc hậu, quý phái của người thiếu nữ. Chân dung mang tính cách, số phận, vẻ đẹp tạo sự hoà hợp, êm đềm với chung quanh: Mây thua, tuyết nhường nên nàng sẽ có cuộc đời bình lặng, suôn sẻ.

3. Vẻ đẹp tài năng của Thúy Kiều:

- So sánh, đòn bẩy để khẳng định vẻ đẹp vượt trội của Kiều.

***Vẻ đẹp hình thức:**

- Nghệ thuật ẩn dụ, ước lệ, điển cố: Làn thu thủy (đôi mắt như làn nước mùa thu); nét xuân sơn (nét chân mày thanh thoát núi mùa xuân); hoa phải ghen, liễu phải hờn, vẻ đẹp của nàng như “nghiêng nước nghiêng thành” (điển cố). Một trang tuyệt sắc giai nhân.

***Vẻ đẹp tâm hồn:**

+ Kiều còn có tài năng làm thơ, họa, ca hát, đánh đàn, soạn nhạc (theo quan niệm phong kiến là người có đủ tài năng cầm kì thi họa).

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 9 - TUẦN 4

+ Là người con gái có tài sắc vẹn toàn, có tâm hồn đa sầu đa cảm.

=> Vẻ đẹp của Kiều làm cho tạo hoá phải ghen ghét, đố kỵ. Đối với Vân là thua, Kiều là ghen, là hờn. Dự báo số phận nàng sẽ éo le, đau khổ.

III/ Tổng kết:

1. Nghệ thuật:

- Sử dụng hình ảnh tượng trưng, ước lệ.
- Sử dụng nghệ thuật đòn bẩy.
- Ngôn ngữ miêu tả tài tình.

2. Nội dung: “Chị em Thúy Kiều” thể hiện tài năng nghệ thuật và cảm hứng nhân văn của tác giả Nguyễn Du, qua đó ngợi ca vẻ đẹp và tài năng của người phụ nữ dưới chế phong kiến./.

IV. Dặn dò:

- Viết đoạn văn (7-10 câu) giới thiệu vẻ đẹp của Thúy Vân và Thúy Kiều.
- Học bài đầy đủ
- Soạn bài: Kiều ở lầu Ngưng Bích./.

3. MÔN ANH 9 – TUẦN 4

BÀI TẬP ANH 9 TUẦN 4

I. Make a complex sentence from each pair of sentences. Use the subordinator provided and make any necessary changes :

1. Their son is allergic to animals. They decided to get a cat. (though)

2. He will stay in England for two months more. He can perfect his English. (in order that)

3. There is nothing to eat. We have to go shopping today. (as).

4. I go to Hue next week. I will stay with my aunt and uncle. (when)

5. Mai could have good marks. She studied hard for the exam. (so that)

6. We need an umbrella. It is raining heavily outside. (since)

7. Nick will visit some craft villages. He finishes the Vietnamese course. (after)

8. We decided to go for a walk in the park. It was very cold out. (although)

9. The tourists wanted to buy some silk. They went to Van Phuc village. (because)

10. They won't buy the new car. They save enough money. (until)

11. Many craft families stopped their business. There is the economic crisis in the world. (because)

12. Dong Ho paintings are simple. These pictures reflect a typical characteristic of Vietnamese labourers. (although).

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 9 - TUẦN 4

13. Three villages were chosen for the pilot project. The Asia Foundation had worked with local authorities. (after).

14. We do not have many handicraft products that are well-known abroad. There are thousands of craft trades nationwide. (though)

15. The craft village must also meet environmental requirements. It wants to develop craft village tourism. (so that)

16. Vietnam began integrating into the international economy a few decades ago. Production in craft villages developed strongly, meeting demand for domestic decoration, and construction. (when)

17. At the age of over 80, the artisan is instructing the craft to his grandchildren. He wants them to preserve this ancient craft. (so that)

18. The workers have taken several steps to whiten the palm leaves. They sew together the leaves and the rings. (after)

19. The conical hat has several useful functions. It protects the wearer's head and face from sunlight or rain, and it also works as a handy fan on hot summer days. (because)

20. Local people in Thanh Ha pottery village near Hoi An continue following their craft. There isn't enough support for maintaining the old traditions and skills. (although)

II. Complete each of the following sentences using the correct form of a phrasal verb from the box :

close down	come back	deal with	get up	keep up with
live on	look through	pass down	set off	turn down

1. My sister is an early bird. She _____ at 7 o'clock everyday of the week.
2. We will _____ for Tay Ho village at 9 o'clock and arrive at 10 o'clock.
3. When I was a student, I _____ small allowances from my parents.
4. The government must now _____ the preservation of traditional craft villages.
5. The banks have _____ a lot of branches in villages over the last few years.
6. Many foreign tourists decided to _____ to Viet Nam for another holiday.
7. They offered her a trip to Europe but she _____ it _____.
8. He has _____ the report and found nothing interesting.
9. Phong walks too fast and it's really hard to _____ him.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 9 - TUẦN 4

III. Read the following passage and choose the best option for each blank :

Many visitors come to Hartbridge to see the wonderful art (1)___and museums, the beautiful buildings and the fantastic parks. Few people go outside the city, and so they miss out on (2)___the scenery and the fascinating history of this beautiful area. This brochure will tell you what you can see if you (3)___a short bus ride out of the city.

The beautiful village of Tatterbridge was (4)___to the children's writer Jane Potter, whose stories of Benjamin Bear (5)___loved by adults and children around the world. Jane Potter's home is now a museum and tea shop, and is well (6)___a visit just for its wonderful gardens. It also has a gift shop where you can buy (7) ___and books. Tatterbridge has a number of interesting shops (8)___an excellent cake shop, and 'Wendy's Giftshop' where you can find lots of unusual gifts made (9)___hand by local artists. Lovers of Jane Potter's books should also walk to the Green Valley woods, which have not changed since Jane Potter (10)___her stories there one hundred years ago.

- | | | | |
|---------------------|----------------|----------------|-----------------|
| 1. A workshops | B. galleries | C. restaurants | D. stations |
| 2. A. understanding | B. questioning | C. welcoming | D. experiencing |
| 3. A. bring | B. take | C. drive | D. sail |
| 4. A. home | B. school | C. shop | D. cottage |
| 5. A. be | B. have | C. are | D. been |
| 6. A. excited | B. worth | C. value | D. know |
| 7. A. souvenirs | B. materials | C. costumes | D. vegetables |
| 8. A. purchasing | B. advertising | C. preserving | D. including |
| 9. A. at | B. with | C. by | D. in |
| 10. A. wrote | B. designed | C. moulded | D. carved |

IV. Read the passage and decide whether the following statements are true (T), or false (F):

Bau Truc pottery items are made from clay from the Quao River mixed with sand. Clay is collected from the river only once a year, each lasting for half a month. Clay is taken more or less depending on the ability of each person. In the clay collecting season, local people try to take as much clay as they can to store, for use in an entire year.

Currently, people in Bau Truc pottery village still make pottery items in the traditional way. They do not use the wheel but the craftsmen have to turn around the products. The potters shape their products by their skillful hands and feet around a pole-round pillar, rather than on one wheel. From this step, silky clay block initially gradually forms a smooth rounded hollow block, then the formation of flower vases, or water pots.

Bau Truc's craftsmen use wet cloths to make the product surface smooth. These items are decorated with seashells, snails or hand-made paintings featuring the daily life of Bau Truc's people.

	T	F
1. Clay can be collected from the Quao River all year round.		
2. Bau Truc pottery is famous because people only use fine clay to make their products.		
3. People still make the pottery in the traditional way.		
4. Craftsmen shape the pottery items only with their hands and feet.		

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 9 - TUẦN 4

5. The pots nowadays are shaped on the potter's wheel.		
6. Craftsmen use simple ways to make the product surface smooth.		
7. The craftsmen's skills can make the blocks of clay become lively and useful.		
8. The designs of Bau Truc pottery reflect the life of local people.		

V. Complete the second sentence in each pair so that it has similar meaning to the first sentence :

1. I arrive on time in spite of the bad traffic.

Although _____

2. David had good relationship with most of his colleagues.

David gets _____

3. Lan was ill, so she didn't go to Dong Ho village with her friends.

Because _____

4. The children are eager to visit Hue next week.

The children are looking _____

5. I'll give you a call immediately after I have finished my work.

As soon as _____

4. MÔN VẬT LÝ 9 – TUẦN 4

Bài 7: SỰ PHỤ THUỘC CỦA ĐIỆN TRỞ VÀO CHIỀU DÀI DÂY DẪN

I. Xác định sự phụ thuộc của điện trở dây dẫn vào một trong những yếu tố khác nhau.

- Các dây dẫn này khác nhau về:

+ Chiều dài dây.

+ Tiết diện dây.

+ Chất liệu làm dây dẫn.

II. Sự phụ thuộc của điện trở vào chiều dài dây dẫn.

1. Dự kiến cách làm.

- Đo điện trở của dây dẫn có chiều dài lần lượt là l , $2l$, $3l$, có tiết diện như nhau và cùng làm từ một vật liệu.

C1 (HS dự đoán):

$$R_2 = 2R_1$$

$$R_3 = 3R_1.$$

2. Thí nghiệm kiểm tra.

a) Sơ đồ: (SGK - 20)

b) Tiến hành thí nghiệm:

Bảng 1:

	HĐT	CĐD Đ	ĐT
Dây dẫn (l)	$U_1 =$	$I_1 =$	$R_1 =$
Dây dẫn ($2l$)	$U_2 =$	$I_2 =$	$R_2 =$
Dây dẫn ($3l$)	$U_3 =$	$I_3 =$	$R_3 =$

c) Nhận xét:

- R tỉ lệ thuận với.

$$- \frac{R_1}{R_2} = \frac{l_1}{l_2}.$$

3. Kết luận: (SGK - 20).

III. Vận dụng.

C2 Theo công thức của định luật ôm, ta có: $I = \frac{U}{R}$ (1)

Theo đầu bài: chiều dài dây dẫn tăng \rightarrow R dây dẫn tăng (hai dây có cùng tiết diện và cùng được là từ 1 loại vật liệu).

Mà U không đổi, nên từ (1) \Rightarrow I giảm (tức là cường độ dòng điện chạy qua đèn giảm) \Rightarrow Đèn sáng yếu hơn hoặc có thể không sáng.

C3 $I = \frac{U}{R} = 20\Omega$, $l = \frac{20}{2} \cdot 4 = 40m$

C4 $\frac{l_1}{l_2} = \frac{R_1}{R_2} = \frac{I_2}{I_1} = 4 \Rightarrow l_1 = 4l_2$.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:

- Làm lại các BT đã giải.
- Làm các BT 7.9; 7.10; 7.11/Trang 20 - SBT

Bài 8: SỰ PHỤ THUỘC CỦA ĐIỆN TRỞ VÀO TIẾT DIỆN DÂY DẪN

I. Dự đoán sự phụ thuộc của điện trở vào tiết diện dây dẫn

C1: $R_1 = R$

$$\frac{1}{R_2} = \frac{1}{R} + \frac{1}{R} = \frac{2}{R}$$

$$\Rightarrow R_2 = \frac{R}{2}$$

$$\frac{1}{R_3} = \frac{1}{R} + \frac{1}{R} + \frac{1}{R} = \frac{3}{R} \Rightarrow R_3 = \frac{R}{3}$$

* Nếu chập 2, 3 dây dẫn thành 1 dây dẫn duy nhất thì các dây dẫn có tiết diện 2S, 3S. Khi đó:

$$R_1 = R; R_2 = \frac{R}{2}; R_3 = \frac{R}{3}$$

C2: - Nếu tiết diện tăng 2 lần thì R giảm 2 lần ($R_2 = \frac{R}{2}$)

- Nếu tiết diện tăng 3 lần thì R giảm 3 lần ($R_3 = \frac{R}{3}$)

II. Thí nghiệm kiểm tra

* **Nhận xét:**

$$\frac{S_2}{S_1} = \frac{d_2^2}{d_1^2}$$

$$\frac{S_2}{S_1} = \frac{R_1}{R_2}$$

* **Kết luận:**

Điện trở của dây dẫn tỉ lệ nghịch với tiết diện của dây $\frac{S_2}{S_1} = \frac{R_1}{R_2}$

III. Vận dụng

C3: Cho: $l_1 = l_2$, $S_1 = 2mm^2$, $S_2 = 6mm^2$

So sánh R_1 với R_2 ?

Giải: Vì $S_2 = 3S_1 \Rightarrow R_1 = 3R_2$.

C4:

Vì R tỉ lệ nghịch với S của dây nên:

$$\frac{S_1}{S_2} = \frac{R_2}{R_1} \Rightarrow R_2 = \frac{S_1}{S_2} R_1 = \frac{0,5.5,5}{2,5} = 1,1(\Omega)$$

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:

- Làm lại các BT đã giải.
- Làm các BT 8.3; 8.4 / Trang 21 - SBT

5. MÔN HÓA HỌC 9 – TUẦN 4

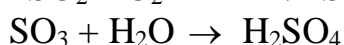
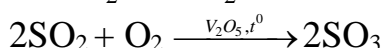
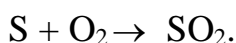
Tiết: 7-8 CHỦ ĐỀ: AXIT(tt)

III. Ứng dụng: (Xem sgk)

IV. Sản xuất H₂SO₄

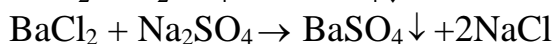
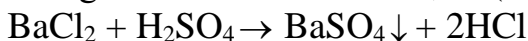
-Các công đoạn sản xuất (sgk):

PTHH:



V. Nhận biết H₂SO₄ và muối sunfat:

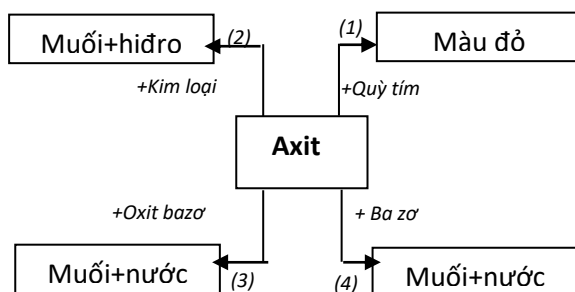
Dùng thuốc thử là dd BaCl₂, Ba(NO₃)₂ hoặc Ba(OH)₂ ..., dấu hiệu tạo kết tủa trắng.



*Để phân biệt Axitsulfuric và muối sunfat ta có thể dùng giấy quỳ tím hoặc một số kim loại như Mg,Zn,Al,Fe...

VI. Luyện tập:

1. Kiến thức cần nhớ



2. Bài tập : Làm các bài tập trang 21 sgk trừ bài 4

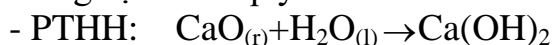
Bài 6: THỰC HÀNH TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA OXIT VÀ AXIT

Thí nghiệm 1: Phản ứng của Canxi oxit với nước:

- Cách tiến hành: (SGK)

- Hiện tượng: CaO tan tạo dd trắng như sữa, để yên tạo chất rắn trắng ở đáy ống nghiệm.

Dung dịch làm quỳ tím hoá xanh.



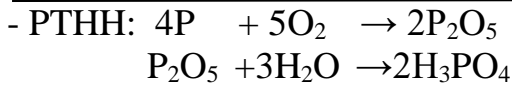
- KL: Oxit bazơ tác dụng với nước tạo dd bazơ.

Thí nghiệm 2: Phản ứng của P₂O₅ với nước

- Cách tiến hành: (SGK)

- Hiện tượng: P cháy tạo khói trắng. Khói trắng tan trong nước tạo dd trong suốt làm quỳ tím hoá đỏ.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 9 - TUẦN 4

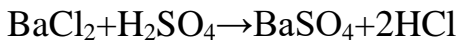


- Kết luận: oxit axit tác dụng với nước tạo dd axit.

Thí nghiệm 3: Nhận biết các dd: HCl, H₂SO₄, Na₂SO₄.

Lấy một ít mỗi dd nhỏ lên quỳ tím. Quỳ tím không đổi màu là dd Na₂SO₄.

Nhỏ dd BaCl₂ vào 2 dd còn lại, nếu có kết tủa trắng là H₂SO₄. Dung dịch kia là HCl.



* **Hướng dẫn về nhà**

-Tự ôn tập lại TCHH của oxit, Axit.

-Xem trước chủ đề Bazo

6. MÔN SINH HỌC 9 – TUẦN 4

LUYỆN GIẢI BÀI TẬP:

LAI MỘT CẶP VÀ HAI CẶP TÍNH TRẠNG CỦA MENĐEN

I) BÀI TẬP VỀ LAI MỘT CẶP TÍNH TRẠNG:

Bài 1: Ở lúa, hạt gạo đục là tính trạng trội hoàn toàn so với hạt gạo trong.

Giao phấn giữa giống lúa thuần chủng hạt gạo đục với giống có hạt gạo trong; thu được F₁ và tiếp tục cho F₁ tự thụ phấn.

a) Lập sơ đồ lai từ P đến F₂.

b) Nếu cho F₁ nói trên lai phân tích thì kết quả sẽ như thế nào?

Hướng dẫn giải:

a) Sơ đồ lai từ P đến F₂:

*Theo đề bài, qui ước: A: hạt gạo đục; a: hạt gạo trong

Giống thuần chủng hạt gạo đục mang kiểu gen AA.

Giống lúa có hạt gạo trong mang kiểu gen aa.

*Sơ đồ lai: P: AA (hạt đục) x aa (hạt trong) (HS tự viết)

b) Cho F₁ lai phân tích:

F₁ đã biết là Aa lai với cây mang tính lặn có hạt gạo trong là aa.

• Sơ đồ lai: Aa (hạt đục) x aa (hạt trong) (HS tự viết)

Bài 2: Ở cà chua, quả đỏ có tính trội hoàn toàn so với quả vàng. Hãy lập sơ đồ lai để xác định kết quả về kiểu gen và kiểu hình của con lai F₁ trong các trường hợp sau đây:

- Trường hợp 1: P: Quả đỏ x Quả đỏ

- Trường hợp 2: P: Quả đỏ x Quả vàng

- Trường hợp 3: P: Quả vàng x Quả vàng

Hướng dẫn giải:

Theo đề bài, qui ước:

Gen A: quả đỏ; gen a: quả vàng

a) Trường hợp 1: P: Quả đỏ x Quả đỏ

Cây P có quả đỏ mang 1 trong các kiểu gen AA hoặc Aa. Các phép lai sau đây có thể xảy ra:

- P: AA x AA

- P: AA x Aa

- P: Aa x Aa

(HS tự viết 3 sơ đồ lai trên)

b) Trường hợp 2: P : Quả đỏ x Quả vàng

Cây P có quả đỏ mang 1 trong các kiểu gen AA hoặc Aa.

Cây P có quả vàng mang aa.

Có 2 phép lai có thể xảy ra:

- P: AA x aa

- P: Aa x aa

(HS tự viết sơ đồ lai)

c) Trường hợp 3: P: Quả vàng x Quả vàng

Các cây quả vàng đều mang kiểu gen aa.

Sơ đồ lai : P : aa x aa (HS tự viết)

II) BÀI TẬP VỀ LAI HAI CẶP TÍNH TRẠNG:

Bài 3: Ở một loài côn trùng: Gen B: thân xám, gen b: thân đen ; Gen D: mắt dẹt, gen d: mắt tròn. Hai cặp gen qui định hai cặp tính trạng màu thân và hình dạng mắt nằm trên 2 cặp NST thường khác nhau. Cơ thể bố mẹ có thân xám, mắt dẹt giao phối với mẹ có thân đen, mắt dẹt, thu được con lai F₁ có 75% thân xám, mắt dẹt và 25% thân xám, mắt tròn. Hãy biện luận và lập sơ đồ lai mình họa.

Hướng dẫn giải:

Bố thân xám, mắt dẹt có kiểu gen B-D-

Mẹ thân đen, mắt dẹt có kiểu gen bbD-

* Phân tích từng tính trạng ở con lai F₁:

-Về màu thân:

F₁ có 100% thân xám (B-), đồng tính trội.

Do mẹ mang bb → bố tạo 1 loại giao tử B, tức có kiểu gen BB.

P: Bố BB (xám) x Mẹ bb (đen)

-Về hình dạng mắt:

Mắt dẹt: Mắt tròn = 75% : 25% = 3:1. Là tỉ lệ của định luật phân li → 2 cơ thể P đều dị hợp Dd.

P: Bố Dd (mắt dẹt) x Mẹ Dd (mắt dẹt)

* Tổ hợp 2 tính trạng, suy ra:

-Bố thân xám, mắt dẹt có kiểu gen BB Dd

-Mẹ thân đen, mắt dẹt có kiểu gen bb Dd

Sơ đồ lai: P: Bố BB Dd x Mẹ bb Dd (HS tự hoàn thiện kết quả)

CHƯƠNG II - NHIỄM SẮC THỂ

Bài 8: NHIỄM SẮC THỂ

I. Tính đặc trưng của bộ nhiễm sắc thể:

- Trong tế bào sinh dưỡng, NST tồn tại thành từng cặp tương đồng → NST là lưỡng bội, kí hiệu là 2n.

- Trong tế bào sinh dục (giao tử) chỉ chứa 1 NST trong mỗi cặp tương đồng → Số NST giảm đi một nửa, bộ NST là bộ đơn bội, kí hiệu là n.

- Ở những loài đơn tính có sự khác nhau giữa con đực và con cái ở 1 cặp NST giới tính kí hiệu là XX, XY.

- Mỗi loài sinh vật có bộ NST đặc trưng về số lượng và hình dạng.

II. Cấu trúc của nhiễm sắc thể: Biểu hiện rõ nhất ở kì giữa.

+ Hình dạng: hình hạt, hình que, hình chữ V.

+ Kích thước: Dài: 0,5 – 50 micromet, đường kính 0,2 – 2 micromet.

+ Cấu trúc: ở kì giữa NST gồm 2 cromatit gắn với nhau ở tâm động.

+ Mỗi cromatit gồm 1 phân tử ADN và prôtêin loại histôn.

III. Chức năng của nhiễm sắc thể:

- Lưu giữ thông tin di truyền: NST là cấu trúc mang gen, trên đó mỗi gen ở một vị trí xác định quy định sự hình thành các đặc điểm hình thái, sinh lí của sinh vật.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 9 - TUẦN 4

- Truyền đạt thông tin di truyền: NST có bản chất là ADN, sự tự nhân đôi của ADN dẫn tới sự tự nhân đôi của NST nên tính trạng di truyền được sao chép qua các thế hệ tế bào và cơ thể.

7. MÔN LỊCH SỬ 9 – TUẦN 4

CHƯƠNG II

CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LA-TINH TỪ 1945 ĐẾN NAY

Bài 3:

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ SỰ TAN RÃ CỦA HỆ THỐNG THUỘC ĐỊA

I. Giai đoạn từ 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX

- Năm 1960, có 17 nước ở Đông Phi, Tây Phi và Trung Phi tuyên bố độc lập. Nên còn được gọi là “năm châu Phi”.
- Phong trào đấu tranh bắt đầu từ Đông Nam Á, tiêu biểu như: In-đô-nê-xia, Việt Nam, Lào.
- Phong trào tiếp tục lan sang các nước Nam Á, Bắc Phi: Ấn Độ, Ai Cập và An-giê-ri...
- Năm 1960 17 nước tuyên bố độc lập.
- 1/1/1959, cuộc Cách mạng nhân dân ở Cu-ba thắng lợi.
- Kết quả: Đến giữa những năm 60 của thế kỷ XX hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc căn bản bị sụp đổ.

II. Giai đoạn từ giữa những năm 60 đến những năm 70 của thế kỉ XX

- Nhân dân các nước châu Phi giành độc lập thoát khỏi ách thống trị của thực dân Bồ Đào Nha:
 - + Ghi-nê-bít-xao (9/1974)
 - + Mô-dăm-bích (6-1975)
 - + Ăng-gô-la (11-1975)

III. Giai đoạn từ những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX

- Sau nhiều năm đấu tranh bền bỉ của người da đen, chế độ phân biệt chủng tộc đã bị xóa bỏ, người da đen được quyền bầu cử và các quyền tự do dân chủ khác.
- Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc đã bị sụp đổ hoàn toàn.

8. MÔN ĐỊA LÝ 9 – TUẦN 4

Tiết 7. Bài 7: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP

I. Các nhân tố tự nhiên

1. Tài nguyên đất

Tài nguyên đất nước ta khá đa dạng. hai nhóm đất chiếm tỉ lệ lớn là đất phù sa và đất feralit.

Loại đất	Feralit	Phù sa
Diện tích	16 triệu ha (65% S)	3 triệu ha (24%)
Phân bố	Miền núi, trung du phía Bắc, Tây nguyên, Đông nam bộ	Đồng bằng châu thổ, ven biển (ĐB sông Hồng và sông Cửu Long)
Cây trồng	Cây CN nhiệt đới: Cao su, cà phê, chè,.....	Chủ yếu là trồng lúa nước, hoa màu và 1 số cây CN ngắn ngày

2. Tài nguyên khí hậu

a. Đặc điểm khí hậu

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 9 - TUẦN 4

- Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm: Nóng ẩm, mưa nhiều tập trung theo mùa.
- Phân hoá phức tạp theo không gian, theo thời gian, ảnh hưởng của gió mùa.
- Thời tiết diễn biến thất thường, thiên tai thường xuyên xảy ra

b) Thuận lợi

- Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, phân hóa đa dạng. Thuận lợi cho cây cối xanh tốt quanh năm.
- Sự phân hóa của khí hậu thích hợp cho việc trồng các loại cây từ nhiệt đới đến ôn đới.

c) Khó khăn

- Thời tiết diễn biến phức tạp, nhiều thiên tai bất thường xảy ra: Bão, lũ, lụt, mưa đá, sương muối.....
- Sâu bệnh, dịch bệnh, nấm mốc phát triển mạnh....

3. Tài nguyên nước

- Thuận lợi:

- Nguồn nước phong phú
- + HT sông ngòi, ao, hồ dày đặc, nhiều nước quanh năm.
- + Nguồn nước ngầm phong phú

- Khó khăn:

- + Mùa mưa thường gây lũ, lụt, bão, gió
- + Mùa khô thường gây hạn hán...
- Biện pháp khắc phục: Thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh Nông nghiệp ở nước ta.

4. Tài nguyên sinh vật:

- Phong phú đa dạng => Thuận lợi để làm cơ sở thuận dưỡng lai tạo nên các giống cây trồng, vật nuôi có giá trị

II. Các nhân tố kinh tế – xã hội

1. Dân cư và nguồn lao động nông thôn

- Năm 2003, 74% dân số sống ở vùng nông thôn và 60% lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp
- Người dân có nhiều kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.

2. Cơ sở vật chất – kĩ thuật

- Cơ sở vật chất – kĩ thuật ngày càng hoàn thiện.

3. Chính sách phát triển nông nghiệp

- Nhà nước đã có nhiều chính sách để thúc đẩy phát triển nông nghiệp như: phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tếkinh tế trang trại, nông nghiệp xuất khẩu...

4. Thị trường trong và ngoài nước

- Thị trường trong và ngoài nước ngày càng được mở rộng.
- => Nhân tố kinh tế- xã hội là nhân tố quyết định tạo nên những thành tựu to lớn trong nông nghiệp

- **Hoạt động luyện tập:** Làm bài tập 3 SGK trang 27

Hoạt động vận dụng:

Theo em trong các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp thì nhân tố nào là quan trọng nhất?

- +Phân tích những thuận lợi của tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế nông nghiệp ở nước ta.

- Hoạt động tìm tòi, mở rộng:** Học bài, làm bài tập 1,2 Tr 27.

I) Ngành trồng trọt:

- Cơ cấu gồm
 - Cây lương thực
 - Cây công nghiệp
 - Cây ăn quả, cây khác

- Xu hướng phá thế độc canh cây lúa chuyển sang trồng cây hàng hoá để làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và phục vụ cho xuất khẩu.

1) Cây lương thực

- Cây lương thực gồm lúa và hoa màu
- Lúa là cây lương thực chính trồng ở khắp nơi nhưng tập trung nhiều nhất vẫn là ở đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng.
- Các tiêu chí về sản xuất lúa đều tăng

2) Cây công nghiệp

- Ý nghĩa của việc trồng cây công nghiệp:
 - + Tạo ra các sản phẩm xuất khẩu có giá trị
 - + Cung cấp nguyên liệu cho CN chế biến
 - + Tận dụng tài nguyên đất, phá thế độc canh trong nông nghiệp
 - + Bảo vệ môi trường
- Cây c. nghiệp được phân bố khắp trên 7 vùng sinh thái Nông nghiệp của cả nước.
- Vùng trồng nhiều cây công nghiệp nhất là: Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.
- Nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để trồng cây công nghiệp

3) Cây ăn quả

- Do khí hậu phân hóa và tài nguyên đất đa dạng nên nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để trồng được nhiều loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao
- Tập trung trồng nhiều ở Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

II) Chăn nuôi

- Chiếm tỉ trọng nhỏ trong Nông nghiệp
- Hình thức chăn nuôi công nghiệp đang được mở rộng.- Chiếm tỉ trọng nhỏ trong Nông nghiệp

Cơ cấu vật nuôi	Nơi phân bố chính	Giải thích	Mục đích
Trâu (4triệu con) Bò (3triệu con)	Miền núi trung du Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, duyên hải NTB	S chăn thả rộng, có nhiều đồng cỏ, thị trường tiêu thụ rộng lớn...	Lấy thịt, sữa, sức kéo.....
Lợn (23triệu con)	Chủ yếu ở ĐB (S. Hồng, S.Cửu Long), nơi có nhiều hoa màu	Nơi có nhiều thức ăn, thị trường tiêu thụ rộng...	Lấy thịt, phân bón ruộng...
Gia cầm (230triệu)	Phát triển mạnh ở ĐB	Có nhiều điều kiện thuận lợi, có thị trường rộng lớn	Lấy thịt, trứng...

Hoạt động luyện tập:

+ Ngành trồng trọt nước ta đang có sự chuyển dịch theo hướng nào? Sự chuyển dịch đó là tích cực hay tiêu cực?

Hoạt động vận dụng:

+ Kể tên các cây trồng, vật nuôi ở địa phương em? Giải thích điều kiện để có thể phát triển những cây trồng, vật nuôi đó?

+ Nhận xét và giải thích sự phân bố các vùng trồng lúa ở nước ta.

Hoạt động tìm tòi, mở rộng

- + Học bài, làm bài tập 1,2 tr 33.
- + Nghiên cứu bài mới: Sự phát triển và phân bố sản xuất lâm nghiệp, thủy sản

9. MÔN CÔNG NGHỆ 9 – TUẦN 4
SỬ DỤNG ĐỒNG HỒ ĐO ĐIỆN

I. Dụng cụ, vật liệu và thiết bị

- Vật liệu : bảng thực hành lắp sẵn mạch điện gồm 4 bóng đèn 220V – 100W; bảng thực hành đo điện trở ; dây dẫn điện .
- Dụng cụ : Kim điện, tua vít, bút thử điện .

II. NỘI DUNG VÀ TRÌNH TỰ THỰC HÀNH

1. Tìm hiểu đồng hồ đo điện :

Thực hiện thực hành theo phân công của giáo viên.

Các nhóm nhận dụng cụ, tìm hiểu cấu tạo của các đồng hồ đo điện .

Dùng để đo các đại lượng điện: cường độ dòng điện và hiệu điện thế .

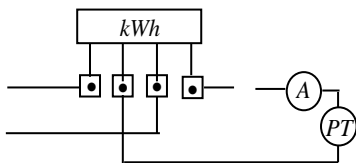
2. Thực hành sử dụng đồng hồ đo điện :

Bước 1 : Đọc và giải thích những kí hiệu ghi trên mặt công tơ điện :

***Bước 2: Nối mạch điện thực hành :**

Hs quan sát sơ đồ, trả lời câu hỏi: đầu 1 và đầu 3

Hs: đầu 2 và đầu 4.



Số TT	Tên các phần tử
1	Công tơ
2	Ampe kế
3	Phụ tải
4	
5	

10. MÔN GDCD 9 – TUẦN 4

Bài 4: BẢO VỆ HÒA BÌNH

I/ Phần nội dung bài học HS ghi vào vở:

1. Thế nào là hòa bình và bảo vệ hòa bình?

- Hòa bình là tình trạng không có chiến tranh hay xung đột vũ trang, là mối quan hệ hiểu biết, tôn trọng, bình đẳng và hợp tác giữa các quốc gia, dân tộc giữa con người với con người, là khát vọng của toàn nhân loại.

- Bảo vệ hòa bình là làm mọi việc để bảo vệ, giữ gìn cuộc sống xã hội bình yên; là dùng thương lượng , đàm phán để giải quyết mọi mâu thuẫn, xung đột giữa các dân tộc, tôn giáo, quốc gia; không để xảy ra chiến tranh hay xung đột vũ trang.

2. Vì sao phải bảo vệ hòa bình?

- Hòa bình đem lại cuộc sống âm no, hạnh phúc, bình yên cho con người; còn chiến tranh chỉ mang lại đau thương, tang tóc, đói nghèo, bệnh tật...

- Hiện nay chiến tranh, xung đột vũ trang vẫn còn đang diễn ra ở nhiều nước trên thế giới và là nguy cơ đối với nhiều quốc gia, nhiều khu vực trên thế giới..

3. Trách nhiệm của chúng ta.

Để bảo vệ hòa bình, cần phải xây dựng mối quan hệ tôn trọng, bình đẳng, thân thiện giữa người với người. Thiết lập quan hệ hiểu biết, hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc và các quốc gia trên thế giới.

II/Phần HS tự đọc, tìm hiểu và trả lời các câu hỏi:

HS tự đọc phần DVD, quan sát ảnh (SGK tr13) , tìm hiểu và trả lời các câu hỏi:

H1: Chiến tranh đã gây hậu quả gì cho con người ?

H2: Em có suy nghĩ gì khi đọc các thông tin và xem các hình ảnh trên?

H3: Em có suy nghĩ gì khi bọn thực dân Pháp và đế quốc Mỹ gây chiến tranh ở VN?

H4: Thế nào là hòa bình và bảo vệ hòa bình? Cho ví dụ.

H5: Nêu sự đối lập giữa hòa bình và chiến tranh?

H6: Phân biệt giữa chiến tranh chính nghĩa và chiến tranh phi nghĩa?

H7: Em hãy nêu một số ví dụ thể hiện nhờ có hòa bình mới phát triển kinh tế và bảo vệ Tổ quốc?

H8: VN đấu tranh đánh Pháp, Mỹ là chiến tranh chính nghĩa hay phi nghĩa?

H9: Hành động của VN nói lên điều gì? Vì sao VN lại làm như vậy?

H10: Vì sao phải bảo vệ hòa bình? ? Cách bảo vệ hòa bình vững chắc nhất là gì?

H11: HS cần có những việc làm cụ thể nào nhằm bảo vệ hòa bình?

? Nhân loại nói chung và dân tộc nói riêng cần phải làm gì để bảo vệ hòa bình?

H12: Hãy nêu một số việc làm của VN thể hiện mối quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước?

III. Phần HS làm vào vở bài tập:

HS làm bài tập 1,2,3 SGK Tr16.

11. MÔN TIN HỌC 9 – TUẦN 4

Bài thực hành số 1:

SỬ DỤNG TRÌNH DUYỆT WEB ĐỂ TRUY CẬP WEB (Tiếp theo)

1. Khởi động và tìm hiểu một số thành phần của sổ Firefox

2. Xem thông tin trên các trang web.

Các em truy cập trang web và khám phá một số thành phần chứa liên kết trên trang web và xem các trang liên kết.

Sử dụng các nút lệnh  (Back),  (Forward) để chuyển qua lại giữa các trang web đã xem.

* Một số trang web:

www.tntp.org.vn: Báo điện tử thiếu niên tiên phong;

www.tienphong.vn: Phiên bản điện tử của báo Tiền phong

www.dantri.com.vn: Báo điện tử của TW Hội Khuyến học Việt Nam;

encarta.msn.com: Bách khoa toàn thư đa phương tiện của hãng Microsoft;

vi.wikipedia.org: Bộ Bách khoa toàn thư mở Wikipedia tiếng việt

3. Lưu thông tin.

* Lưu hình ảnh trên trang web.

+ Nháy nút chuột phải vào hình ảnh muốn lưu xuất hiện menu.

+ Chọn **Save Image As...**, xuất hiện

Hộp thoại chọn vị trí lưu ảnh.

+ Đặt tên tệp ảnh

+ Nhấn và Save.

* Lưu cả trang web

+ File/save page as hộp thoại Save as được

Hiện thị.

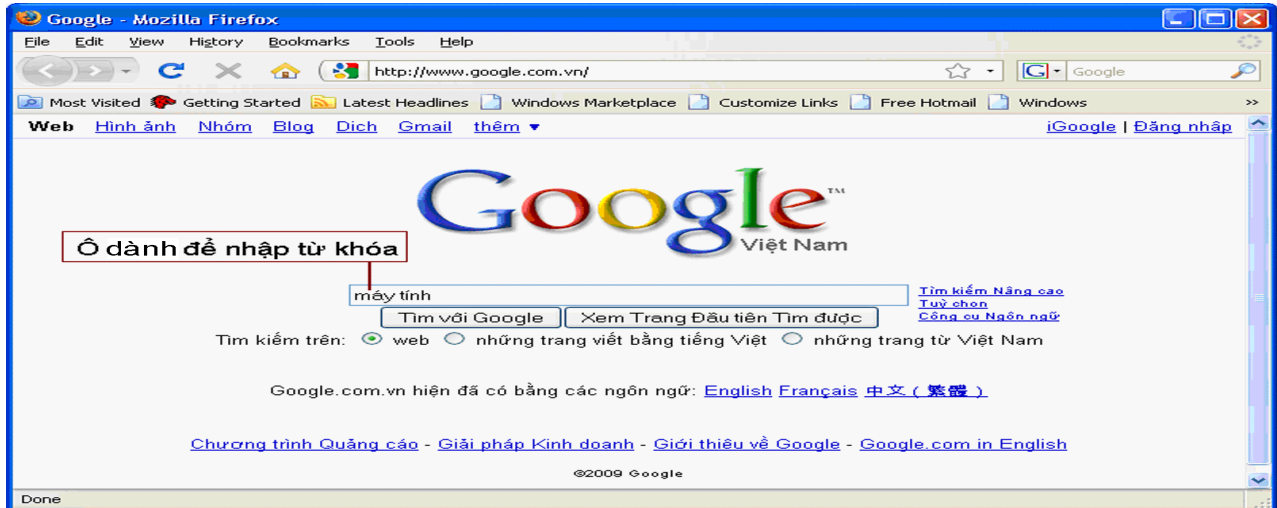
+ Chọn vị trí lưu tệp và đặt tên trong
hộp thoại save as và nhấn save.



BÀI THỰC HÀNH 2: TÌM KIẾM THÔNG TIN TRÊN INTERNET

Bài 1: Tìm kiếm thông tin trên web

1. Khởi động trình duyệt Firefox, nhập địa chỉ www.google.com.vn vào ô địa chỉ và nhấn Enter



2. Gõ từ khoá liên quan đến vấn đề cần tìm vào ô tìm kiếm.

3. Kết quả được hiển thị như sau:

[Máy tính – Wikipedia tiếng Việt](#) — ①

Máy tính, cũng gọi là máy vi tính hay điện toán, là những thiết bị hay hệ thống dùng để tính toán hay kiểm soát các hoạt động mà có thể biểu diễn dưới dạng ... — ②

vi.wikipedia.org/wiki/Máy_tính - 122k - [Đã lưu trong bộ nhớ cache](#) - [Các trang tương tự](#)

③

① Tiêu đề của tranh web

② Đoạn văn bản trên trang web chứa từ khoá.

③ Địa chỉ tranh web.

4. Nháy chuột vào chỉ số trang tương ứng phía cuối trang web để chuyển trang web.

Mỗi trang kết quả chỉ hiển thị 10 kết quả tìm kiếm.

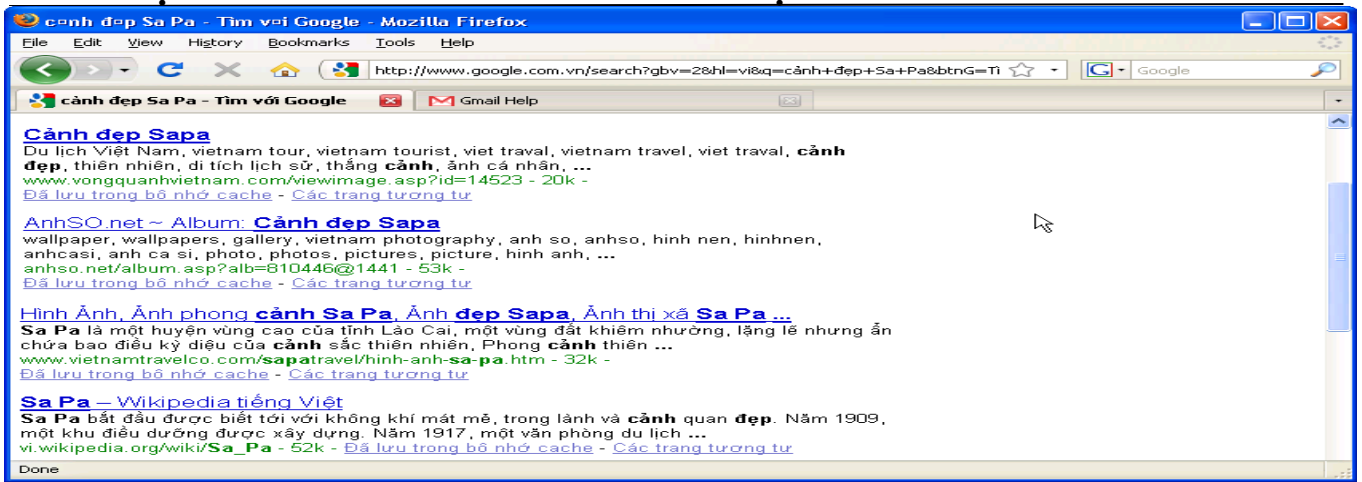


5. Nháy chuột trên một kết quả để chuyển tới trang web tương ứng.

Bài 2: Tìm hiểu cách sử dụng từ khoá để tìm kiếm thông tin.

1. Tìm kiếm thông tin với từ khoá là cảnh đẹp sapa

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 9 - TUẦN 4



2. Quan sát kết quả và cho nhận xét về kết quả tìm được đó?

- Kết quả tìm được là tất cả các trang web chứa từ thuộc từ khoá và không phân biệt chữ hoa và chữ thường.

3. Thực hiện tìm kiếm “cảnh đẹp sapa” và so sánh với cách tìm kiếm trên? Nhận xét kết quả nhận được? Cho nhận xét về tác dụng của dấu “”?

- Khi thực hiện tìm kiếm với dấu “” ta thấy kết quả tìm kiếm cụ thể hơn

12. MÔN MỸ THUẬT 9 – TUẦN 4

BÀI 4 : VẼ TRANG TRÍ

TRANG TRÍ VÀ TẠO DÁNG TÚI XÁCH

NỘI DUNG BÀI HỌC

1/ Quan sát - nhận xét

- _ hs tự trưng bày túi xách để quan sát và nhận xét kiểu dáng và cấu tạo của túi xách
- + túi xách có nhiều loại : vuông ,bầu dục ,chữ nhật ,....
- + túi xách có thân khóa ,quai xách hoặc dây đeo.

2/ cách tạo dáng và trang trí.

a.Tạo dáng :

- _ Tìm hình dáng của túi
- _ vẽ trục , tìm tỉ lệ các bộ phận của túi xách .
- _ xác định vị trí nắp quai ...
- _ Hoàn thiện kiểu dáng .

b. Trang trí.

- _ Chia mảng họa tiết
- _ Tìm và vẽ họa tiết vào mảng hình đã chia
- _ Vẽ màu theo ý thích sao cho phù hợp với kiểu dáng túi xách
- _ Hoàn chỉnh bài

3/ Thực hành

Tạo dáng và trang trí túi xách theo ý thích

13. MÔN THỂ DỤC 9 – TUẦN 4

Bài học: **BÀI THỂ DỤC – CHẠY NGẮN**

NỘI DUNG BÀI HỌC

1. Hoạt động hình thành kiến thức.

1.1. Bài thể dục Liên Hoàn:

- Nam: Ôn tập bài thể dục từ nhịp 1 – 10.



- Học: Từ nhịp 11 - 19



- Nữ: Ôn tập bài thể dục từ nhịp 1 – 10.



- Học: Từ nhịp 11 - 18



1.2. Chạy cự li ngắn:

- Chạy bước nhỏ.
- chạy nâng cao đùi.
- Chạy đạp sau.
- Xuất phát cao

2. Hoạt động luyện tập.

2.1. Bài thể dục phát Liên Hoàn :

- Bài tập 1: Ôn tập từ nhịp 1 – 19 của bài thể dục đối với nam.
- Bài tập 2: Ôn tập từ nhịp 1 – 18 của bài thể dục đối với nữ.

2.2. Chạy cự li ngắn :

- Bài tập 1: Chạy bước nhỏ.
- Bài tập 2: Chạy nâng cao đùi.
- Bài tập 3: Chạy đạp sau.
- Bài tập 4: Xuất phát cao.

3. Hoạt động vận dụng :

- Bài tập về nhà : Ôn tập bài thể dục Liên Hoàn từ nhịp 1 – 19(nam); 1- 28(nữ) .
- Luyện tập chạy cự li 60m.